

Về bút pháp nghệ thuật thơ chữ Hán Đào Tấn

Nguyễn Đình Thu^(*)

Tóm tắt: Nói đến danh nhân văn hóa Đào Tấn là nói đến bậc hậu tổ của nghệ thuật tuồng Việt Nam. Tuy nhiên, ông còn xuất hiện với tư cách một từ gia, thi gia, nhất là những thi phẩm sáng tác bằng chữ Hán. Thơ chữ Hán Đào Tấn thể hiện được nhiều đặc điểm, giá trị nghệ thuật đặc sắc, trong đó bút pháp nghệ thuật là một vấn đề đáng chú ý. Sử dụng bút pháp trữ tình là trung tâm, ngoài dạng thức trữ tình trực tiếp, nhà thơ đã biểu lộ tình cảm một cách tối đa nhờ vào việc vận dụng triệt để các dạng thức trữ tình gián tiếp: trữ tình - miêu tả, trữ tình - tự sự, trữ tình - trào phúng, trữ tình - triết lý. Đôi khi, trong một tác phẩm, cùng một lúc, tác giả đã sử dụng kết hợp nhiều hình thức trữ tình khác nhau. Từ đặc điểm bút pháp nghệ thuật này, thơ chữ Hán Đào Tấn không chỉ dừng lại ở việc miêu tả những bức tranh thiên nhiên, đời sống tình tế, hay kể lại những sự kiện cá nhân, lịch sử trọng đại mà tập trung hơn hết, và cuối cùng cũng nhằm biểu lộ một thế giới trữ tình phong phú, phức tạp, là những dằn vặt, suy tư, chiêm nghiệm trước cuộc đời nhiều đổi thay của tác giả và hiện thực xã hội bộn bề của nước ta cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Thông qua tác phẩm “Đào Tấn - Thơ và từ” của Vũ Ngọc Liễn, bài viết đi sâu tìm hiểu bút pháp nghệ thuật thơ chữ Hán Đào Tấn, qua đó góp thêm cái nhìn sâu sắc về danh nhân văn hóa Đào Tấn cũng như đóng góp của tác giả trên phương diện sáng tác thơ chữ Hán.

Từ khóa: Đào Tấn, Bút pháp nghệ thuật, Thơ chữ Hán

Bút pháp là một yếu tố đặc thù thuộc phương thức biểu hiện của hình thức nghệ thuật tác phẩm. Ở phương Đông cũng như phương Tây, ban đầu, khái niệm bút pháp được hiểu là dụng cụ dùng để viết, cách cầm bút, cách thể hiện nét bút; về sau được hiểu rộng ra là chữ viết, cách viết. Cho đến nay, bút pháp thường được hiểu như một yếu tố của phong cách, chỉ cách sử dụng, thể hiện những phương tiện biểu

đạt (ngôn ngữ, bố cục, thể loại, biểu tượng,...) góp phần hoàn chỉnh hình thức tác phẩm nghệ thuật.

Bút pháp nghệ thuật là một trong những yếu tố hình thức quan trọng tạo nên phong cách nghệ thuật riêng biệt ở mỗi tác giả. Trong thế giới nghệ thuật thơ chữ Hán Đào Tấn, nhà thơ sử dụng kết hợp linh hoạt nhiều bút pháp, trong đó bút pháp trữ tình là trung tâm. Nhìn từ góc độ bút pháp nghệ thuật, có thể khẳng định thơ chữ Hán Đào Tấn có sự giao thoa giữa thi pháp văn học trung đại với thi pháp văn học hiện

^(*) TS. Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Quy Nhơn;
Email: nguyendinhthu84@gmail.com

đại. Qua đó góp phần minh chứng cho đặc điểm giao thời của văn học viết Việt Nam cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

Tính từ thời điểm cuốn *Thơ và từ Đào Tấn* ra đời (Vũ Ngọc Liễn chủ biên, Nhà xuất bản Văn học ấn hành năm 1987), sáng tác thơ của Đào Tấn đã được phổ biến rộng rãi gần ba mươi năm qua. Tuy nhiên cho đến nay, những bài viết, công trình nghiên cứu về thơ Đào Tấn vẫn còn quá ít ỏi, chưa thực sự tương xứng với giá trị đích thực của mảng sáng tác không kém phần quan trọng này. Nhằm tiếp tục khám phá cái hay, cái đẹp trong những thi phẩm của Đào Tấn, bài viết đi sâu tìm hiểu bút pháp nghệ thuật thơ chữ Hán Đào Tấn dựa trên những thi phẩm hiện tồn của ông đã được người đời sau sao lục, biên khảo trong công trình *Đào Tấn - Thơ và từ* của nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Liễn, do Nhà xuất bản Sân khấu ấn hành năm 2003.

1. Dạng thức trữ tình trực tiếp

Bút pháp trữ tình như mẫu số chung trong nghệ thuật thi ca cổ điển phương Đông, chi phối, biểu hiện ra ở ngôn từ, nhịp điệu cho đến ý nghĩa câu thơ. Về vấn đề này, nhà lý luận văn học cổ điển Trung Quốc Khâu Chấn Thanh đã khẳng định: “Trữ tình, có thể nói rằng, đó là một đặc trưng nổi bật nhất của thơ, không có tình, cây thơ sẽ héo khô” (Khâu Chấn Thanh, 1994: 376). Nhìn nhận trên phương diện hình thức ngôn ngữ sáng tác, Biện Minh Điền nhấn mạnh thêm: “Thơ chữ Hán dường như là hình thức thích hợp hơn cho phong cách trữ tình hướng nội, cho sự biểu hiện những cái sâu lắng, kín đáo trong tâm hồn” (Biện Minh Điền, 2008: 255).

Thơ chữ Hán Đào Tấn về cơ bản vẫn thuộc phạm trù văn học trung đại, bởi vậy sự hiện diện bút pháp trữ tình trong sáng tác là hiển nhiên. Điều đáng nói ở một con

người sống trong thời buổi đau thương cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, với bao mâu thuẫn, xúc cảm, suy tư cá nhân như Đào Tấn, là đã tìm đến bút pháp trữ tình như một nhu cầu tất yếu trong sáng tạo nghệ thuật. Bởi vậy, đây là bút pháp nghệ thuật chủ yếu chi phối toàn bộ sáng tác thơ chữ Hán của tác giả.

Trong nhiều thi phẩm, tâm trạng Đào Tấn triền miên trong những suy tư, trăn trở, những yếu tố miêu tả, tự sự xuất hiện một cách rời rạc, đứt quãng, rất mờ nhạt, nhường chỗ cho dòng cảm xúc tuôn chảy xuyên suốt toàn bài: *Ký hoài Hà Đình công, Độc sở từ, Ngẫu đề, Thạch, Tuyên nhị tử nhập Quốc học lâm hành thư thử miễn chi, Vịnh Nhạc Vũ Mục, Quan mai hữu cảm, Dạ du Di Lặc điện ngẫu hứng, Trừ tịch,...* Nhà thơ ít khi hóa thân vào nhân vật trữ tình, mà thường tồn tại với tư cách chủ thể trữ tình trực tiếp phát ngôn để tự bạch thế giới nội tâm, có thể thấy ở nhiều thi phẩm đặc sắc như: *Mạn đề, Khóc Phan Đình nguyên, Ưc Phan San, Tịch thượng tác, Thủy xa, Đề Mai sơn thọ viên, Hương giang hành tạp vịnh, Kinh quá Bình Định thành điệu cổ chiến trường thi, Hoa triều dạ dữ nội hữu Diêu Tiên khanh du Diệc Cổ tự, Du Ngũ Hành sơn, Trừ tịch quan thư ngẫu đắc, v.v...* Cái tôi trữ tình tác giả càng hiện hữu rõ nét qua những đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất (từ *ngã, ngô* xuất hiện 40 lần/ 141 bài). Ông còn trực tiếp xưng danh trong sáng tác: *Nam quốc Mai Tăng lão học thiền* (Sãi Mai nước Nam học thiền già dặn - *Tặng Mai Tăng*), *Mai Tăng kim nhật hựu lai du* (Sãi Mai hôm nay lại đến chơi - *Phỏng Linh Phong tự quy châu phong vũ đại tác*), *Mai sơn tha nhật tàng Mai cốt* (Ngày nào đó núi Mai lại chứa xương Mai - *Đề Mai sơn thọ viên*) (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 259, 258, 182).

Đặc biệt, người đọc dễ dàng nhận ra những cung bậc tâm trạng phong phú, cụ thể của tác giả bằng những từ, cụm từ đi thẳng vào thế giới nội tâm: *lân, khả liên* (thương, thương thay), *tư, hoài, ức* (nhớ), *khủng* (sợ), *hảo* (tốt, đẹp, giỏi), *ái tuyết* (yêu lắm), *khấp, khóc* (khóc), *luyến luyến* (quyên luyến, bịn rịn), *thung dung* (ung dung), *thê lệ* (sụt sùi), *lệ số hàng* (bao hàng lệ), *lạc song lụy* (rơi nước mắt), *sầu* (lo buồn), *trù trường* (buồn bã), *ưu, mưu* (lo, lo toan), *toan tuân* (bâng khuâng), *lạc, hỷ* (vui), *tầm quý* (hỗ thẹn), *âm ức* (nhớ đến day dứt), *dục* (muốn), *trân* (trân trọng), *phiêu nhiên* (lãng lãng, chơi vơi), *yếm* (chán), v.v...

Bên cạnh đó, những nhan đề trữ tình quen thuộc như công thức trong thơ ca trung đại (*ngôn chí, thuật hứng, thuật hoài, vô đề,...*) được tác giả sử dụng với số lượng khiêm tốn (*Vô đề (a), Vô đề (b)*), thay vào đó là kiểu nhan đề sử dụng những từ ngữ như những tín hiệu thẩm mỹ thể hiện rõ nhu cầu, xu hướng trữ tình: *Mạn đề, Sơn hành ngẫu đắc, Giang trình ngẫu đắc, Khấp Lan Nông Phan thượng thư cố hữu, Khốc Phan Đình nguyên, Ưc Phan San, Hành bộ ngẫu đắc, Ký hoài Hà Đình công, Tuế mộ ngẫu chiêm thư ký Hà Đình hưu ông, Hữu sở tư, Khốc tây tân Đình Tử Trạch, Ngẫu tác, Quá phóng Kỳ Sơn Đặng gia trang ức thiếu thời độc thư xứ ngẫu chiêm, Hoan thành cửu nhật ký hoài kinh trung chư hữu, Cửu nhật ngẫu đắc, Hương giang thủy hữu sở ký, Chu hành ngẫu đắc, Tiểu hạ đình ngẫu thư, Thương hạn, Hỷ vũ, Ký nhi, Hương giang hành tạp vịnh, Kinh quá Bình Định thành diêu cổ chiến trường thi, Khốc Hoàng Quang Viễn, Diệu vong, Biệt ý, Xuân tứ, Quan mai hữu cảm, Dạ du Di Lặc điện ngẫu hứng, Dạ quá Hòa Quang tự ngẫu chiêm, Tuế đán ngẫu thành, Trừ tịch quan thư ngẫu đắc, Quý Mão trừ tịch thư hoài.*

Như vậy, từ hình thức ngôn từ cho đến nội dung trữ tình trong từng thi phẩm đã cho thấy dạng thức trữ tình trực tiếp được Đào Tấn sử dụng mang tính hệ thống, với mục đích tự thân, nhằm biểu hiện một thế giới nội tâm đa chiều. Có thể nói, trữ tình trực tiếp trong thơ chữ Hán Đào Tấn không chỉ xuất phát từ đặc trưng của thơ, của bút pháp thơ trung đại mà còn được chấp cánh bởi hoàn cảnh cụ thể, ý thức cá nhân, tâm hồn lãng mạn của tác giả. Chính những rung động, suy tư chủ quan, cá nhân, thậm chí về những giá trị thẩm mỹ, những vấn đề nhân sinh của nhà thơ đã có sức thâm nhập, lay động lớn trong lòng người đọc, góp phần làm nên giá trị cho mỗi thi phẩm.

2. Một số dạng thức trữ tình gián tiếp

Với một tâm hồn dạt dào xúc cảm, trĩu nặng suy tư như Đào Tấn, dĩ nhiên thơ ông sẽ tìm đến nhiều hình thức trữ tình để có thể giải phóng nhu cầu trữ phát tình cảm cá nhân. Bởi vậy có thể nói, bên cạnh khả năng trữ tình trực tiếp, thơ chữ Hán Đào Tấn còn tồn tại những dạng thức biến tấu, kết hợp phong phú của nhiều dạng thức trữ tình gián tiếp. Nói cách khác, với thơ chữ Hán Đào Tấn, tác giả rất linh hoạt trong bút pháp thể hiện.

Trước hết, trong vườn thơ Đào Tấn, chúng ta thấy cùng xuất hiện cả những cảnh sắc tươi đẹp, kỳ vĩ cho đến những cảnh tượng hoang phế, điêu tàn. Và dù nhà thơ phác họa cái nền khung cảnh chung chung theo lối ước lệ, tượng trưng hay đi sâu miêu tả cụ thể, chi tiết cảnh vật theo lối tả thực cũng không lấy miêu tả làm đích hướng đến. Đó chỉ là bước đệm, cơ sở khởi hứng cho tác giả trữ tình. Tâm trạng tác giả có thể ký thác, ẩn tàng trên những bức tranh được miêu tả: *Vạn kim hảo vũ tán nguyên điền/ Tẩy tịnh viên trần lục nguyệt thiên* (Con mưa lành như

muôn vàng rải xuống ruộng đồng/ Rửa sạch lớp bụi nóng của tiết trời tháng sáu - Hỷ vũ) (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 181). Tuy nhiên, ông thường bộc lộ tình cảm, cảm xúc, suy tư của mình ngay sau khi miêu tả đối tượng: *Kỳ cựu thông thông khứ/ Kỳ tân đắc đắc lai/ Khả liên kỳ lộ thượng/ Tương kiến hữu trần ai* (Cái cũ với với đi/ Cái mới xăm xăm đến/ Thương thay trên ngã ba đường/ Gặp nhau ai nấy đều bụi bặm - *Mạn đề*) (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 75). Điều đáng nói là khác với các thi gia cổ điển phương Đông thường sử dụng những hình ảnh ước lệ quen thuộc như những mẫu gốc trong không gian, thời gian không cụ thể để diễn tả những tình cảm, suy tư mang tính vĩnh viễn, phổ quát thì Đào Tấn thường trữ tình trên những cảnh huống, bức tranh chân thực, cụ thể có thể định danh: *Tổng Hồ An Tăng cải phiên Phú Yên, Tổng đồng thành Tôn Thất Ngũ Phong cải Thanh niết, Khấp Lan Nông Phan thượng thư cố hữu, Phụng chỉ cải Nghệ An giản lưu đồng thành, Kinh phế trạch, Kinh sư đắc gia thư, Tịch thượng tác, Sơ thu vãng yết nghiệp sư Nhơn Ân Nguyễn tiên sinh sơn phần cảm thuật, Hoan thành cửu nhật ký hoài kinh trung chư hữu, Du Ngũ Hành sơn, Canh Tý trừ tịch,...* Bởi vậy, có thể nói, bút pháp trữ tình - miêu tả trong thơ chữ Hán Đào Tấn mang màu sắc hiện đại hơn là theo lối cổ điển.

Từ một cuộc đời nhiều đổi thay, từ mối quan tâm sâu sắc của tác giả đến những chuyện đời tư, thể sự trong xã hội ba đào đầy biến động cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX đã khiến yếu tố tự sự đi vào sáng tác thơ chữ Hán Đào Tấn rất tự nhiên, chân thực. Nhà thơ không chỉ tái hiện những sự kiện về sự đổi thay, hưng phế của lịch sử, xã hội (*Bái đề Độc Lô sơn từ, Du Lam Sơn bái đề Lê Thái Tổ miếu, Tịch thượng tác, Kinh phế trạch,...*) mà còn hé mở những câu chuyện liên

quan đến sinh hoạt đời tư, cá nhân, chuyện gia đình: *Hoa triều dạ dĩ nội hữu Diêu Tiên khanh du Diệc Cổ tự, Thính Diêu Tiên khanh độc tao, Lục thập sinh nhật Mai viên tiểu chúc, Trúc Tiên nữ xuất các, Đắc điện tín nhị tử dĩ dĩ Kinh tác, Sinh tôn chu nguyệt mệnh danh Sư Kiệm thị nhi Thạch,...* Ở một số tác phẩm, nhất là những bài thơ ký thực, trần thuật, tác giả đã cho người đọc thấy được dòng chảy của những sự việc diễn ra liên tục theo trình tự thời gian, tiêu biểu như bài *Du Thiên Tượng phế tự ký thực* (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 115). Bài thơ được viết dưới dạng một bài ký, như chính tác giả đã khẳng định ở câu thơ cuối: *Liêu tác trường thiên khả đại ký* (Tạm viết bài thơ này thay cho bài ký). Tuy tác phẩm mang bút pháp tự sự khá rõ nhưng cũng như yếu tố miêu tả, sự tái hiện những sự kiện, biến cố, sự việc này không mang mục đích tự thân mà tồn tại như một cái nền, là điều kiện để chủ thể trữ tình bộc lộ tâm trạng. Bằng chứng là trước mỗi điều lắng nghe, trông thấy trong suốt hành trình đến thăm ngôi chùa, tác giả đều bộc lộ những trăn trở, suy tư trở thành điểm nhấn nghệ thuật trong thi phẩm: *Thính bài du nhiên hữu sở tư/ Sự hữu hưng phế bất túc dị/ Khả liên Hoài Hoan đệ nhất sơn/ Anh khí bằng y năng bảo tí* (Nghe xong ta có điều suy nghĩ băng khuâng/ Sự việc có phế hưng có chi là lạ/ Gẫm thương ngọn núi số một ở Hoài Hoan/ Khí thiêng còn đó có thể che chở được), hay *Thương tâm Phật tọa nhất hồng chung/ Như kim kiếp hóa dĩ thành khô/ Hồng thụ thanh hà hà sở ký/ Thùy nhân tái vị khỉ đàn đường* (Đau lòng thay cho quả chuông lớn nơi tòa Phật/ Mà nay lửa kiếp đã thành tro/ Cây hồng ráng biếc biết gửi gắm vào đâu/ Hỏi ai là người vì nơi đây mà xây dựng lại chùa này?). Sự gia tăng yếu tố tự sự trong sáng tác thơ chữ Hán Đào Tấn vừa có tác dụng làm

tăng tính hiện thực, tính thời sự trong tác phẩm, vừa giúp tác giả bộc lộ rõ hơn, sâu sắc hơn tình cảm, cảm xúc của mình trước đời sống, tạo nên mạch ngầm nối kết giữa quá khứ với thực tại trong lòng độc giả.

Cùng với sự suy tàn của chế độ phong kiến, sự xâm nhập của lối sống thị dân phương Tây, và kèm theo đó là sự bất lực của nho sĩ, trí thức, bút pháp trào phúng ngày càng đặc dụng trong thơ ca trung đại, nhất là ở những nhà thơ có bản lĩnh sống, bản lĩnh nghệ thuật như Nguyễn Bình Khiêm, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Tú Xương. Sống cùng thời với những nhà thơ trào phúng cuối thế kỷ XIX, trực tiếp chứng kiến sự hạn chế, bất lực của triều đình phong kiến nhà Nguyễn trước sự xâm lược của thực dân Pháp, bản thân lại có nhiều mâu thuẫn, bất đắc ý trong cuộc đời làm quan, Đào Tấn đã sử dụng bút pháp trào phúng vừa như một vũ khí đánh vào hiện thực xấu xa của xã hội, vừa để bày tỏ nhận thức, thái độ đối với chính mình. Bởi vậy, đối tượng trào phúng trong thơ chữ Hán của ông gồm cả khách thể và chủ thể.

Phê phán khách thể ngoài mình, tác giả tập trung lên án, tố cáo những đối tượng nằm trong bộ máy chính quyền phong kiến đương thời: từ quan lại địa phương, bậc trọng thần, đến cả người giữ địa vị tối cao là vua. Tuy nhiên cũng như những nhà thơ trào phúng khác, để tránh án ngục văn tự, Đào Tấn đã chọn cách trào phúng gián tiếp khi lên án, phê phán những đối tượng trên. Tác giả đã kích nạt những nhiễu, cướp bóc của quan lại địa phương qua hình tượng “chú beo” - *Tổng đốc hành bộ hý tác* (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 110), phê phán chốn quan trường ô trọc qua hình tượng “con mọt” - *Trừ tịch quan thư ngẫu đắc* (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 279),

lên án cảnh ăn chơi sa đọa của triều đình qua sự đối lập giữa cảnh rượu ngự về hàng năm với cảnh khói lửa chiến tranh diễn ra khắp nơi - *Tịch thượng tác* (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 131), đặc biệt là tố cáo sự trì trệ, “ngủ quên” của vua quan nhà Nguyễn trước nỗi thống khổ của người dân qua hình tượng “thần sấm”, “lão rồng”: *Lão long bất thức miên hà xứ/ Ký ngữ lôi thần vị nhất hô* (Chẳng biết lão rồng đang ngủ ở nơi đâu/ Nhấn với thần sấm hãy gọi lão ta một tiếng - *Thương hạn*) (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 180). Dùng cách gọi tên đầy ẩn ý, pha chút hóm hỉnh, mỉa mai: *báo huỳnh* (anh báo), *đổ* (con mọt), *ngự tửu* (rượu dành cho vua), *phong yên* (khói lửa), *lão long* (con rồng già) kết hợp với việc khai thác những mâu thuẫn, đối lập, bất thường trong đối tượng phản ánh, Đào Tấn đã tạo nên tiếng nói trào phúng mạnh mẽ mà không kém phần thâm trầm, sâu sắc. Gọi tên đối tượng cần phê phán, Nguyễn Đình Chiểu chỉ có thể dùng những hình ảnh chung chung như *chúa xuân* (*Ngóng gió đông*) hay *trang đẹp loạn* (*Chạy giặc*). Với Đào Tấn, ông đã không ngần ngại dùng những từ ngữ, biểu tượng chỉ thẳng vào đối tượng trào phúng thuộc đẳng tối cao: *ngự*, *long*. Vạch ra bộ mặt thật của những nhân vật núp dưới hình thức vua quan, hiền nhân, quân tử..., cuối cùng Hồ Xuân Hương cũng hướng đến khẳng định vẻ đẹp, đòi quyền sống cho người phụ nữ. Nghĩa là tác giả đã đứng trên quan điểm nhân sinh, mà sâu hơn là quan điểm nữ quyền để trào phúng. Đào Tấn đứng trên cả quan điểm đạo đức, quan điểm dân tộc, quan điểm nhân sinh để phê phán những nhân vật đại diện cho giai cấp thống trị này. Bởi vậy tiếng nói trào phúng trong thơ chữ Hán Đào Tấn đã thực sự mang ý nghĩa và giá trị phổ quát.

Với bản thân mình, Đào Tấn lại chọn cách trào phúng trực tiếp. Nội dung tự trào

trong thơ chữ Hán của tác giả rất phong phú: ông cười tuổi già không còn nhớ ngày sinh nhật (*Canh Tý trừ tịch*), cười mình chỉ biết cam chịu sự nóng lạnh của người đời (*Bệnh tích Diêu Tiên ái khanh thi được hữu hiệu hí thư thị chí*), cười vì bất lực trước hiện thực đen tối của xã hội (*Tịch thượng tác*), cười vì bất tài mà sớm lo kế cày ruộng (*Quy canh cuộc quan điền thị Huỳnh Giản thủ chí Trần ông*) và đặc biệt là thẹn trước đức hạnh của người vợ ở quê nhà (*Độ áo cho ta rượu, lúc nghèo/ Bỏ nhà khi loạn, bế con theo/ Không màng cảnh sống ngày vinh lạc/ So với nàng, ta thẹn xiết bao - Mai tăng đề ư An Tĩnh tổng chế đường chi khiếu ngạo đông hiên, đương Thành Thái Quý Ty, hòa tiết*) (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 192). Những nho sĩ theo học của Khổng sân Trình thường tỏ nỗi thẹn trước những bậc cao nhân, như Phạm Ngũ Lão từng thẹn trước Vũ Hầu (*Thuật hoài*), Nguyễn Khuyến thẹn trước Đào Tiềm (*Thu vịnh*). Đào Tấn cùng với Tú Xương (*Thương vợ*) đã không ngần ngại tỏ nỗi thẹn chân thành trước người phụ nữ, một cái thẹn không kém phần nhân văn, cao cả. Qua đó cho thấy cùng với sáng tác tuồng (*Hộ sinh đàn*), trong sáng tác thơ chữ Hán, Đào Tấn không chỉ nhận thức được vẻ đẹp của người phụ nữ mà còn đề cao vai trò của người phụ nữ, thể hiện một cái nhìn bình đẳng, tiến bộ, có phần lý tâm, xa chính thống.

Ngôn ngữ thơ Nôm thích dụng với việc trào phúng hơn ngôn ngữ thơ chữ Hán. Tuy vậy, nhờ vào cấu trúc đối ngẫu, cách dùng từ, hình ảnh, biểu tượng mà trong sáng tác thơ chữ Hán, Đào Tấn vẫn thực thi hiệu quả mục đích trào lộng hay tự trào. Bản chất của trào phúng là bày tỏ thái độ, quan điểm trước hiện thực xuất phát từ một tình cảm, cảm xúc nhất định. Bởi vậy, trào phúng xét đến cùng cũng là

trữ tình, nhưng là trữ tình nghiêng về phía cái đáng ghét, đáng buồn hơn là cái đáng thương, đáng yêu. Đằng sau tiếng cười phê phán, tự trào của nhà thơ là cả một nỗi đau, nỗi buồn, một niềm day dứt khôn nguôi. Thằng thần cười người và cười cả chính mình trong sáng tác đã nói lên Đào Tấn không chỉ là một người đại đảm mà còn là một đại nhân.

Không chỉ dừng lại ở bút pháp trữ tình - miêu tả, trữ tình - tự sự, trữ tình - trào phúng, nhu cầu giải phóng tình cảm, cảm xúc cùng với sự từng trải của bản thân và khả năng tư duy khái quát còn đẩy Đào Tấn tìm đến bút pháp trữ tình - triết lý. Ông triết lý về chữ nhân: *Nhất nhật thanh nhân nhất nhật tiên* (Một ngày nhân là một ngày tiên - *Lục thập sinh nhật Mai viên tiểu chúc*) (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 207), triết lý về tài văn chương: *Văn chương bốn vô bằng/ Đắc thất đương tự tri* (Văn chương xưa nay vô bờ bến/ Thành bại nên tự biết - *Ký nhi*) (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 197). Nhiều nhất là tác giả triết lý về cuộc đời, như về lẽ sống: *Hữu thân thù bất vị thân mưu/ Yếu đắc hành tàng vô tự vu* (Đã có thân thì ai lại chẳng lo cho thân/ Cốt sao không phải ăn năn về hành vi của mình - *Thứ vận tổng Cúc Viên Trương Đông Các công trí sự*) (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 108), về thái độ sống: *Thị náo cư di tịnh/ Môn cao tâm tự ti* (Chợ càng ồn ào thì phải sống càng trầm tĩnh/ Nhà càng cao thì lòng càng phải khiêm nhường - *Phỏng nữ tể Vân Sơn cư thất thư dư chí*) (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 210), về công danh: *Khuyến quân mạc tiến (tiền) phong hầu sự/ Nhất tướng công thành vạn mệnh vong* (Khuyên ai chớ ham chuyện phong hầu/ Một tướng nên công muôn mạng chết - *Kinh quá Bình Định thành điều cổ chiến trường thi*) (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 223), về lẽ sinh tử: *Tự cổ sinh lý túc cảm thương/*

Tranh giao tử biệt tiện tương vương (vong) (Từ xưa đến nay sống mà chia lìa đã là chuyện đau thương/ Huống chi sự chia lìa bằng cái chết, thế là mất nhau rồi - *Điều vong*) (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 230), v.v... Đó rõ ràng không phải là những triết lý khô khan, sáo rỗng mà là những triết lý chứa chất hứng thú, trăn trở, tình cảm sâu nặng của tác giả được rút ra từ hiện thực cuộc đời.

Thơ ca trung đại thường có sự kết hợp giữa bút pháp trữ tình với miêu tả theo lối “tả cảnh ngụ tình”. Dù viết về thiên nhiên hay con người, đôi khi Đào Tấn còn sử dụng đan xen, kết hợp nhiều bút pháp ở cùng một thi phẩm. Việc sử dụng kết hợp bút pháp trữ tình với miêu tả, tự sự trong thơ chữ Hán Đào Tấn có thể thấy trong các thi phẩm: *Khuê kiều*, *Phụng chỉ cải Nghệ An giản lưu đồng thành*, *Tặng Hoàng Kế Viêm tướng quân*, *Kinh phế trạch*, *Trùng phóng Long Cương*, *Du Thiên Tượng phế tự ký thực*, *Kinh sư đắc gia thư*, *Hữu sở tư*, *Khốc tây tân Đình Tử Trạch*, *Đồng Cương hải độ dạ túc ký kiến*,... Hay ở tác phẩm *Hoan thành dữ gia cửu đệ Khiêm Khiêm tử thoại cựu* (Vũ Ngọc Liễn, 2003: 183) có cả bút pháp trữ tình kết hợp với miêu tả, tự sự, triết lý.

* * *

Tự trung, trong thơ chữ Hán Đào Tấn, dù có miêu tả, tự sự, trào phúng hay

triết lý thì đây chỉ là những yếu tố phụ họa, châu tuần, hướng đến mục đích bày tỏ tình cảm, cảm xúc của tác giả. Cách thức trữ tình vừa trực tiếp, vừa gián tiếp. Nội dung trữ tình phong phú, cụ thể, gồm cả trữ tình phong cảnh, trữ tình đời tư và trữ tình thế sự. Gia tăng chất hiện thực trong miêu tả, những sự việc gắn với đời tư, cá nhân và ở cả tiếng cười phê phán thẳng thắn, mạnh mẽ, ở việc đề cao vai trò người phụ nữ qua hình thức tự trào để toát lên một cái tôi dạt dào xúc cảm, suy tư cho thấy sáng tác thơ chữ Hán Đào Tấn đã mang hơi thở của khuynh hướng văn học hiện thực, văn học lãng mạn, văn học trào phúng thuộc phạm trù văn học hiện đại. Sự linh hoạt trong bút pháp nghệ thuật thơ chữ Hán cho thấy Đào Tấn không chỉ là một tác giả tuồng gạo cội mà còn là một nhà thơ tài hoa, một nhà thơ lớn trong lịch sử văn học Việt Nam □

Tài liệu tham khảo

1. Biện Minh Điền (2008), *Phong cách nghệ thuật Nguyễn Khuyến*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Vũ Ngọc Liễn (Biên khảo, 2003), *Đào Tấn - Thơ và từ*, Nxb. Sân khấu, Hà Nội.
3. Khâu Chấn Thanh (1994), *Lý luận văn học, nghệ thuật cổ điển Trung Quốc* (Mai Xuân Hải dịch), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.